

Bản án số: 193/2020/HSST
Ngày 22/5/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tứ Xuân

Các Hội thẩm nhân dân: 1 Ông Lê Văn Ninh

2. Ông Trần Xuân Viện

Thư ký phiên tòa: Bà Ma Thị Huyền Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình Nguyên, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 172/2020/TLST-HS, ngày 03 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2020/QĐXXST- HS ngày 27 tháng 4 năm 2020, đối với bị cáo:

Nông Đức T, tên gọi khác: Không. Sinh ngày 21/02/1988. Nơi ĐKKTT và chỗ ở: Tổ 2, phường CH, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông Đức Đ và bà Nguyễn Thị H; Vợ, con chưa có; Tiền sự: Không.

- Tiền án: 02.

+ Tại Bản án số 05/2017/HSST ngày 13/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Nông Đức T12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (trị giá tài sản trộm cắp là 2.500.000 đồng).

+ Tại Bản án số 235/2017/HSST ngày 22/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt Nông Đức T15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp với bản án số 05/2017/HSST ngày 13/01/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên buộc Nông Đức T phải chấp hành 27 tháng tù (trị giá tài sản trộm cắp là 161.000 đồng). Ra trại ngày 07/5/2019.

- Nhân thân: 02.

+ Bản án số 105/2011/HSST ngày 20/4/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt Nông Đức T15 tháng tù về tội “Chế tạo, tàng trữ, sử dụng,

mua bán trái phép vật liệu nổ”, 24 tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản”, tổng hợp buộc Thành phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 39 tháng tù.

+ Ngày 21/12/2019, Nông Đức T có hành vi trộm cắp tài sản tại xóm Sơn Thái, xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự số 16/CSĐT ngày 13/02/2020 và Quyết định khởi tố bị can số 43/CSĐT-ĐTTH ngày 13/02/2020 đối với Nông Đức T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Hiện bị cáo đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên (bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/01/2020 đến nay). Có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:*

1. Chị Đặng Thị Thanh Ng, sinh năm 1972. (Có mặt)

Trú tại: Tại tổ 01, phường CH, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

2. Chùa Hang

Địa chỉ: Tổ 04, phường CH, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Như Kh(tên gọi khác: Thích Đức Tr), sinh năm 1999 – chức vụ: Trụ trì Chùa Hang. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Trú tại: Tổ 04, phường CH, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

** Người chứng kiến:* Ông Nguyễn Hữu K, sinh năm: 1963. Vắng mặt.

HKTT: Xóm Ai, xã H, huyện DH, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nông Đức T là đối tượng nghiện chất ma túy, không có nghề nghiệp, do không có tiền chi tiêu và mua ma túy sử dụng nên trong ngày 23/01/2020 và 28/01/2020, Thành đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản tại phường CH, thành phố TN. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 18 giờ 15 phút ngày 23/01/2020, Nông Đức T một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu đỏ, gắn BKS: 20F9-5509 đi tới quán rửa xe của chị Đặng Thị Thanh Ng (Sinh năm 1972) tại tổ 1, phường CH, thành phố TN xem ai có tài sản sơ hở thì trộm cắp. Đến nơi, T hỏi chị Ng về việc rửa xe nhưng chị Ng đang bận rửa xe cho khách bảo T chờ nên T đi vào phòng chờ của quán rửa xe nhà chị Ng, mục đích để tìm có tài sản sơ hở sẽ trộm cắp. T cầm điện thoại của T đưa lên tai nghe để giả vờ đang nói chuyện điện thoại với người khác, đánh lạc hướng của chị Ng, để chị Ng không nghi ngờ. T đứng ở bàn để loa đặt sát tường phía bên tay trái theo hướng từ ngoài cửa đi vào, cách cửa ra vào khoảng 4m, phía trên loa, T thấy có đặt 02 chiếc điện thoại di động gồm 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu XIAOMI màu vàng và 01 điện thoại nhãn hiệu IPHONE 7 PLUS màu vàng (đều là điện thoại của

chị Ng). T đứng đó khoảng 10 phút, vừa giả vờ nghe điện thoại, vừa để ý chị Ng đang rửa xe. Khi thấy chị Ng không để ý, T liền dùng tay phải cầm 02 chiếc điện thoại trên của chị Ng cho vào túi quần bên phải rồi đi ra ngoài cửa và đi về. Sau khi lấy trộm được điện thoại, T điều khiển xe mô tô đi tới đầu cầu Gia Bẫy thuộc phường Đồng Bẩm, thành phố Thái Nguyên để đổi 02 chiếc điện thoại vừa trộm cắp cho 01 nam thanh niên tên D (không rõ lai lịch, địa chỉ) lấy 04 gói ma túy sử dụng.

Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản, ngày 02/02/2020, chị Ng đã tới Công an thành phố Thái Nguyên trình báo, đề nghị giải quyết.

Tại bản Kết luận số 05/HĐĐGTS này 05/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thái Nguyên kết luận: 01 điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI REDMI NOTE 4X, màu vàng, dung lượng 32GB, RAM 3GB, đã qua sử dụng, định giá: 1.790.000 đồng. 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7 PLUS, màu vàng, dung lượng 32GB, số IMEI: 355840089762819, đã qua sử dụng, định giá: 6.490.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 8.280.000 đồng. Hiện số vật chứng trên không thu hồi được.

Vụ thứ hai: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 28/01/2020, Nông Đức T một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu đỏ, gắn BKS: 20F9-5509 đi từ nhà tới Chùa Hang thuộc tổ 4, phường CH, thành phố TN với mục đích xem ai có tài sản sơ hở thì trộm cắp. T để xe mô tô ở cổng chính rồi đi bộ một mình vào trong khuôn viên của Chùa Hang. T thấy trên các ban thờ ở trong chùa có nhiều tờ tiền mệnh giá khác nhau, T quan sát thấy không có ai để ý T liền lấy trộm tiền. T bắt đầu lấy trộm tiền ở ban thờ Chùa cổ, sau đó đến các ban xung quanh. Khi trộm cắp tiền, T đều dùng tay phải để rút tiền để trên đĩa trong các ban thờ ra, mỗi ban, T chỉ rút vài tờ tiền, không rút hết vì sợ bị phát hiện. Tổng số tiền T trộm cắp được tại Chùa Hang trong ngày 28/01/2020 là 120.000 đồng, số tiền trên T cất ở túi quần phía sau bên phải T đang mặc. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, sau khi trộm cắp xong, T đi từ trong Chùa Hang ra cổng để lấy xe đi về, khi đi đến khu vực cổng chính của Chùa Hang thì T bị tổ công tác của Công an phường CH, thành phố TN phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Quá trình bắt giữ, T tự giác giao nộp cho tổ công tác số tiền 120.000 đồng tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam do trộm cắp mà có (gồm 50 tờ mệnh giá 1000 đồng, 20 tờ mệnh giá 2000 đồng, 06 tờ mệnh giá 5000 đồng). Ngoài ra, tổ công tác còn tạm giữ của T 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL màu đỏ đen, 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu đỏ, gắn BKS: 20F9-5509. Hiện số tiền 120.000 đồng đã được trả lại cho ông Nguyễn Như Kh (tên gọi khác: Thích Đức Tr, sinh năm: 1999, là trụ trì của Chùa Hang) quản lý.

Vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI REDMI NOTE 4X, màu vàng, dung lượng 32GB, RAM 3GB, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7 PLUS, màu vàng, dung lượng 32GB, số IMEI: 355840089762819, đã qua sử dụng, hiện không thu hồi được. Số tiền 120.000 đồng đã được trả lại cho ông Nguyễn Như Kh (tên gọi khác: Thích Đức Tr, sinh năm: 1999, là trụ trì của Chùa Hang) quản lý. 01 điện thoại di động nhãn hiệu

VIETTEL màu đỏ đen; 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu đỏ, gắn BKS: 20F9-5509, số máy: 5HU2-03378, số khung: 5HU2-03378.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Đặng Thị Thanh Ng yêu cầu Nông Đức T phải bồi thường cho chị số tiền 8.280.000 đồng tương ứng giá trị hai chiếc điện thoại T đã trộm cắp. T chưa bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 177/KSĐT- KT ngày 01/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Nông Đức T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS 2015.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo T khai nhận như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo thống nhất với tội danh và khung hình phạt như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã truy tố, không có oan sai.

- Người bị hại Chị Đặng Thị Thanh Ng: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường cho chị số tiền 8.280.000 đồng tương ứng giá trị hai chiếc điện thoại T đã trộm cắp. Về hình phạt, đề nghị xử lý T theo quy định của pháp luật.

- Sau khi kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên trình bày bản luận tội giữ nguyên quan điểm như nội dung bản cáo trạng đã truy tố đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nông Đức T phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173 BLHS 2015; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS xử phạt Nông Đức T từ 24 đến 30 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS năm 2015; Điều 357, 468; 584, 585, 586, 589 BLDS 2015: Buộc T phải bồi thường cho chị Ng 8.280.000 đồng. Án phí: Bị cáo phải nộp án phí HSST và DSST theo quy định.

- Trong phần tranh luận bị cáo không tranh luận, trong lời nói sau cùng bị cáo chỉ xin HĐXX xét xem cho được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, Điều tra viên, Kiểm sát viên khi thực hiện hành vi cũng như ban hành các Quyết định tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án này đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận của bị cáo là khách quan phù hợp với lời khai của bị hại, người chứng kiến và phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường và những chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Qua đó đã có đủ cơ sở để xác định:

Trong các ngày 23/01/2020 và 28/01/2020, tại phường CH, thành phố TN, Nông Đức T đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản là 8.400.000 đồng. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 18 giờ 15 phút ngày 23/01/2020, tại tổ 1, phường CH, thành phố TN, Nông Đức T có hành vi trộm cắp của chị Đặng Thị Thanh Ng 02 chiếc điện thoại di động giá trị 8.280.000 đồng trong đó: 01 điện thoại di động nhãn hiệu XIAOMI REDMI NOTE 4X, màu vàng, dung lượng 32GB, RAM 3GB, đã qua sử dụng, có giá trị 1.790.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 7 PLUS, màu vàng, dung lượng 32GB, đã qua sử dụng có giá trị 6.490.000 đồng. Sau khi trộm cắp được tài sản, T đã đổi 02 chiếc điện thoại trên cho 01 nam thanh niên tên D không rõ lai lịch địa chỉ lấy 04 gói ma túy sử dụng. Hiện tài sản không thu hồi được. Chị Ng yêu cầu T phải bồi thường cho chị số tiền 8.280.000 đồng.

Vụ thứ hai: Hồi 17 giờ ngày 28/01/2020, tại Chùa Hang thuộc tổ 4, phường CH, thành phố TN, Nông Đức T có hành vi trộm cắp tại các ban thờ của Chùa Hang số tiền 120.000 đồng thì bị tổ công tác của Công an phường CH, thành phố TN phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Hiện số tiền 120.000 đồng đã được trả lại cho ông Nguyễn Như Kh (tên gọi khác: Thích Đức Tr, là trụ trì của Chùa Hang) quản lý.

Như vậy, đã có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nông Đức T phạm tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS như bản cáo trạng truy tố là đúng pháp luật.

[3]. Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bản thân bị cáo nhận thức được hành vi lén lút trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi cá nhân muốn có tiền để mua ma túy nhưng không muốn bỏ công sức lao động nên đã cố ý phạm tội.

Khi lượng hình Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo chưa có tiền sự, có 02 tiền án và có nhân thân xấu đã nhiều lần bị xét xử về các tội xâm phạm sở hữu nhưng không lấy đó làm gương để tu dưỡng bản thân mà tiếp tục lao vào con đường phạm tội. Điều này thể hiện ý thức coi thường pháp luật của bị cáo. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng để giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015. Bị cáo có hai tiền án nhưng không xác định là tái phạm nguy hiểm vì

bản án số 235/2017/HSST ngày 22/6/2017 bị cáo trộm cắp tài sản trị giá 161.000đ (bản án số 05/2017/HSST ngày 13/01/2017 đã được tính là tình tiết định tội để xét xử), do vậy lần phạm tội này chỉ xác định là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo là đối tượng nghiện ma túy không có tài sản gì nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 5 Điều 173 cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện bị hại (ông Nguyễn Như Kh) không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét. Đối với yêu cầu của chị Ng buộc bị cáo phải bồi thường 8.280.000đ giá trị tài sản 02 chiếc điện thoại, xét đây là yêu cầu chính đáng nên chấp nhận.

[6] Về vật chứng: Đối với xe máy YAMAHA SIRIUS màu đỏ, gắn BKS: 20F9-5509 của bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội cần tịch thu sung quỹ nhà nước. Tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL màu đỏ đen của bị cáo để đảm bảo thi hành án

[7] Án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và DSST theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nông Đức T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Về hình phạt: Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS. Xử phạt Nông Đức T 18 (Mười tám) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày 28/01/2020. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Áp dụng Điều 329BLTTHS tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày để đảm bảo việc thi hành án cho bị cáo.

2. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS năm 2015; Điều 357, 468; 584, 585, 586, 589 BLDS 2015, buộc bị cáo bồi thường cho chị Đặng Thị Thành Ng tổng số tiền là 8.280.000đ (Tám triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật, bị hại có đơn đề nghị thi hành án mà bị cáo không tự nguyện thi hành án, thì phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015 tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

3. Vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 BLHS, Điều 106 BLTTHS:

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, số loại SIRIUS màu sơn đỏ, BKS: 20F9-5509, số khung 5HU2-03378, số máy 5HU2-03378, dung tích xi lanh 102, đã qua sử dụng.

+ Tạm giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIETTEL màu đỏ đen, số IMEL 1: 3567810951448396, Số IMEL 2: 356781095148404, đã qua sử dụng của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng số 268 ngày 20/4/2020 giữa Công an thành phố Thái Nguyên và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên).

4. Án phí: Căn cứ vào Điều 136 BLTTHS; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST và 414.000 đ án phí DSST vào ngân sách nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại (chị Ng), báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đại diện hợp pháp của bị hại (ông Kh) vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- Sở Tư pháp tỉnh TN;
- Công an TPTN;
- THADS TPTN;
- Bị cáo, BH;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tứ Xuân